

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG CỦA SINH VIÊN

Trương Trí Thông\* và Phan Thành Đạt

Khoa Du lịch - Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Kiên Giang, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: ttthongcantho@gmail.com

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 21/02/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 01/6/2023; Ngày duyệt đăng: 09/6/2023

## Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu này nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Cao đẳng Kiên Giang của sinh viên. Dữ liệu được thu thập từ 481 sinh viên đang học tại Trường Cao đẳng Kiên Giang. Phương pháp thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy có tám nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Cao đẳng Kiên Giang của sinh viên bao gồm: Danh tiếng nhà trường, chương trình đào tạo, chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông, cơ hội việc làm, cơ sở vật chất, truyền thông, các hoạt động ngoại khóa, chi phí. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để nhà trường có thể đưa ra một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và công tác tuyển sinh trong tương lai.

**Từ khóa:** Quyết định chọn trường cao đẳng, sinh viên, Trường Cao đẳng Kiên Giang.

## FACTORS AFFECTING STUDENT'S DECISION TO CHOOSE KIEN GIANG COLLEGE

Truong Tri Thong\* and Phan Thanh Dat

Faculty of Tourism and Foreign Languages, Kien Giang College, Vietnam

\*Corresponding author: ttthongcantho@gmail.com

## Article history

Received: 21/02/2023; Received revised from: 01/6/2023; Accepted: 09/6/2023

## Abstract

This study is to analyze core factors affecting students' decision in choosing Kien Giang College for their continuing learning. Data was collected from 481 participants studying at the college. Descriptive statistics, scale reliability analysis, exploratory factor analysis, and multiple linear regression analysis were conducted to analyze the collected data. The result show that students have chosen Kien Giang College due to eight factors including school reputation, training programs, support policies and opportunities for pursuing inter-university system, employment opportunities, facilities, PR and advertisement, extracurricular activities, and expenses. The findings are the fundamental evidence for the school to propose some orientations and solutions to help enhance the quality of services and college admission in the future.

**Keywords:** Kien Giang College, making a decision in choosing the college, students.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1217>

Trích dẫn: Trương, T. T., & Phan, T. Đ. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Cao đẳng Kiên Giang của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(1), 35-49. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1217>.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, việc tuyển sinh của các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long gặp nhiều khó khăn, hầu hết các trường đều không thực hiện được kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh riêng của mình. Điều này do nhiều nguyên nhân như (1) ngày càng có nhiều cơ sở giáo dục đào tạo đa ngành nghề với quy mô lớn; (2) Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi hình thức tuyển sinh, cho phép các trường tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia và xét tuyển dựa theo đề án tuyển sinh riêng của từng trường; bên cạnh đó, thời gian gần đây (3) đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến tâm lý của học sinh và phụ huynh dẫn đến không muốn cho con mình đi học vì tính chất nguy hiểm của dịch bệnh. Chính vì vậy, chỉ tiêu tuyển sinh của các trường ngày càng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Đứng trước tình hình trên, các đơn vị đào tạo cần phải hiểu rõ khách hàng của mình để có thể hiểu biết một cách thấu đáo hơn những nhu cầu và mong muốn của người học, sử dụng một cách có hiệu quả nguồn kinh phí của trường dành cho hoạt động tiếp thị, nâng cao hiệu quả của việc xác định thị trường, đồng thời tạo ra và sử dụng tốt những ưu thế cạnh tranh của đơn vị mình so với các đối thủ cạnh tranh trong cố gắng phát triển thị trường, nhằm chiếm được ưu thế hơn (Vũ & cs., 2021). Đồng thời, các cơ sở đào tạo hiện nay đang dần chuyển sang tự chủ tài chính, do đó việc tồn tại và phát triển của đơn vị phụ thuộc rất lớn vào nguồn thu từ sinh viên (SV). Do đó, đối với chủ đề quyết định chọn trường học đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, học giả có thể kể đến như Phạm & cs. (2016), Nguyễn và Nguyễn (2019), Nguyễn & cs. (2020), Vũ & cs. (2021)...

Trường Cao đẳng Kiên Giang (CĐKG) là một trong những cơ sở đào tạo lâu đời trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, trường được hình thành từ năm 1965 với tiền thân là trường Trung học Kỹ thuật Kiên Giang. Trường hiện nay là một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của tỉnh, luôn đi đầu trong việc đổi mới mục tiêu và phương pháp đào tạo nhạy bén đáp ứng được yêu cầu của xã hội, người học và thị trường lao động. Trường đào tạo đa ngành nghề với các nhóm nghề bao gồm: Du lịch - Khách sạn, Kinh tế - Luật, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Nông nghiệp - Công nghệ thực phẩm. Với bề dày lịch sử, có uy tín và kinh nghiệm đào tạo

nguồn nhân lực, nên hàng năm nhà trường thu hút trên 2.000 thí sinh đăng ký xét tuyển và trên 1.000 SV nhập học. Để công tác tuyển sinh được hiệu quả, đạt được chỉ tiêu đề ra, cần có những nghiên cứu về quyết định chọn trường học của SV, từ đó có cơ sở đưa ra giải pháp hiệu quả trong công tác tuyển sinh, nhất là nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng, bởi vì việc lựa chọn trường học rất quan trọng đối với học sinh, SV; sự lựa chọn đó có thể chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau từ bên trong và bên ngoài (Trương & cs., 2019). Trong thời gian qua đã có một số nghiên cứu về việc chọn ngành, nghề học tập tại Trường CĐKG, điển hình như nghiên cứu “Đánh giá của SV về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn, Trường CĐKG” của Trương & cs. (2019), “Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của SV hệ cao đẳng chính quy, Trường CĐKG” của Trương & cs. (2022). Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ nghiên cứu về quyết định chọn học ngành nghề du lịch-khách sạn, chưa có công trình nào nghiên cứu nào về quyết định học tại Trường CĐKG của SV để làm cơ sở cho việc đưa ra giải pháp, tập trung tăng cường đầu tư, cải thiện cho những nhân tố quyết định chủ yếu đến việc chọn trường học của SV.

Xuất phát từ thực tiễn và mong muốn cung cấp những cơ sở khoa học nhằm thu hút người học, cải thiện năng lực cạnh tranh và nâng cao thương hiệu của nhà trường so với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu này được đề xuất thực hiện. Kết quả của nghiên cứu góp phần cung cấp thêm thông tin cũng như những luận chứng thực tiễn cho Trường CĐKG nói chung và các phòng/ban liên quan nói riêng có những quyết định phù hợp liên quan đến việc đào tạo cũng như công tác tuyển sinh của nhà trường đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

## 2. Tổng quan cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Khái niệm chọn trường được định nghĩa là quá trình phức tạp, đa giai đoạn trong đó một cá nhân phát triển những nguyện vọng được học ở bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông (Nguyễn & cs., 2011). Còn theo Nguyễn (2017), khái niệm chọn trường được hiểu là quyết định chọn trường đại học, cao đẳng để nộp hồ sơ xét tuyển cho bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Nghiên cứu về quyết định chọn trường học của học sinh được bắt

đầu thực hiện từ những năm 1970 và 1980 bởi các nhà nghiên cứu điển hình là Chapman (1981). Trong nghiên cứu này, quyết định chọn trường được định nghĩa là mức độ chắc chắn trong quyết định dự thi vào trường mà học sinh cho rằng mình hiểu rõ nhất trong tất cả các trường cao đẳng, đại học có dự định thi. Có nhiều nghiên cứu khác nhau đưa ra các bước trong quá trình lựa chọn trường học. Trong đó, cổ điển nhất là nghiên cứu của Chapman (1981) đã đề xuất một mô hình lý thuyết về quá trình quyết định lựa chọn trải qua 5 bước: (1) Hành vi trước khi tìm kiếm thông tin (Pre-search Behavior) tức là học sinh sẽ quyết định học tiếp hay không ở cấp bậc cao hơn; (2) Hành vi tìm kiếm thông tin (Search Behavior) là bước học sinh tìm hiểu và tìm kiếm các thông tin liên quan về trường mà học sinh muốn học tiếp; (3) Quyết định nộp đơn (Application Decision) là bước học sinh nộp đơn vào trường để xét tuyển hoặc thi đầu vào, học sinh có thể nộp nhiều trường khác nhau và học sinh có thể không theo học và chọn trường khác; (4) Quyết định lựa chọn (Choice Decision) là bước học sinh quyết định trường nào sẽ học trong các đã nộp đơn và dự thi; và (5) Quyết

định nhập học (Matriculation Decision) là bước học sinh làm thủ tục nhập học.

### 2.1. Các cá nhân ảnh hưởng

Các cá nhân có ảnh hưởng là trong quá trình thực hiện quyết định chọn trường học, học sinh chịu sự tác động, định hướng của cha mẹ, bạn bè và thầy cô giáo ở trường trung học phổ thông (Chapman, 1981). Ngoài ra, các em còn chịu ảnh hưởng từ lời khuyên bảo của người thân trong gia đình, bạn bè đang học tại trường đại học và nhân viên tư vấn (Ming, 2010). Theo Chapman (1981), trong việc lựa chọn trường đại học, học sinh bị thuyết phục mạnh bởi những lời khuyên, bình luận của gia đình và bạn bè. Các nghiên cứu về quyết định lựa chọn trường học, ngành học của SV của Chapman (1981), Trần & cs. (2018), Đặng và Đình (2019), Nguyễn & cs. (2020), Hà và Trần (2020), Trương & cs. (2022) đều cho thấy có ảnh hưởng tích cực đến hành vi quyết định. Từ đó giả thuyết H1 được phát biểu như sau: *H1: Các cá nhân ảnh hưởng có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV.*

**Bảng 1. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Các cá nhân ảnh hưởng”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CNAH1	Lựa chọn theo gợi ý của bạn bè trung học phổ thông	Trần & cs. (2018), Nguyễn & cs. (2020), Trương & cs. (2022)
CNAH2	Lựa chọn theo ý kiến của Thầy, Cô trung học phổ thông	Trần & cs. (2018), Nguyễn & cs. (2020)
CNAH3	Lựa chọn theo ý kiến của người đã và đang học tại Trường CĐKG trong thời điểm tuyển sinh	Trần & cs. (2018), Nguyễn & cs. (2020), Trương & cs. (2022)
CNAH4	Lựa chọn theo ý kiến chuyên gia, người hướng nghiệp/tuyển sinh	
CNAH5	Lựa chọn theo bạn bè cùng chọn học tại Trường CĐKG	
CNAH6	Lựa chọn theo ý kiến của người thân, gia đình	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

### 2.2. Truyền thông

Theo Holland (1959), học sinh đã không có nhiều nỗ lực trong việc thu thập thông tin về trường cao đẳng, đại học mà họ quan tâm. Lewis và Morrison (1975) nhận thấy rằng trong khi đang học trung học phổ thông, học sinh đã tìm kiếm thông tin về trường đại học qua bản tin, tham khảo ý kiến tư vấn viên, tham qua trường và nói chuyện với sinh viên đã học tại trường đại học. Bên cạnh đó, những nguồn thông tin được in và giảng viên có những ảnh hưởng thuyết

phục đến quyết định chọn trường của SV, cũng như các chuyên tham quan trường đã thu hút sinh viên lựa chọn trường học của mình (Nguyễn, 2017). Ngoài ra, theo Corley (1991), quyền danh mục về cơ sở đào tạo là nguồn thông tin quan trọng nhất. Tuy nhiên, con người có tầm quan trọng lớn đối với thông tin hơn là các phương tiện truyền thông (Nguyễn, 2017). Chapman (1981) đã khẳng định việc nỗ lực truyền thông của nhà trường sẽ ảnh hưởng lớn đến quyết định lựa chọn trường học của SV. Đồng quan điểm đó, Ming (2010) cũng nhận định truyền thông là một nhân

tổ quan trọng ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của tân SV. Trong kết quả nghiên cứu của Chapman (1981), Burns (2000), Nguyễn & cs. (2020), Vũ & cs. (2021), Le (2020), Sholihah & cs. (2020), Nuseir và El Refea (2021), Kango & cs. (2021), Trương & cs.

(2022), Le & cs. (2022), cho thấy truyền thông có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định lựa chọn trường học của học sinh, SV. Qua đó, giả thuyết H2 được phát biểu như sau: *H2: Truyền thông có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 2. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Truyền thông”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
TT1	Đọc thông tin trên website của trường	Vũ & cs. (2021), Nuseir và El Refea (2021), Trương & cs. (2022)
TT2	Đọc thông tin trên mạng xã hội	
TT3	Xem thông tin trên kênh truyền thông (tivi, radio, đài phát thanh,...)	Nguyễn & cs. (2021), Vũ & cs. (2021), Nuseir và El Refea (2021), Trương & cs. (2022)
TT4	Đọc thông tin trên tờ rơi, tờ gấp	Vũ & cs. (2021), Trương & cs. (2022)
TT5	Do đã được đến tham quan trực tiếp tại Trường	Nguyễn & cs. (2022)
TT6	Tài liệu tuyển sinh của nhà trường thu hút, ấn tượng	Phòng vấn chuyên gia

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

### 2.3. Danh tiếng nhà trường

Danh tiếng và thương hiệu nhà trường là trường đó có sự nổi tiếng lâu đời và nổi bật lên các vấn đề như quá trình đào tạo của trường lâu đời, có truyền thống; chất lượng học tập và giảng dạy tốt hoặc trường có những giáo sư, tiến sĩ đầu ngành trong các lĩnh vực; sinh viên của trường nổi tiếng trong và ngoài nước là những yếu tố mà học sinh sẽ cân nhắc khi quyết định chọn trường học (Ming, 2010). Ở nghiên cứu này, thông qua tổng hợp tài liệu, theo nhóm nghiên cứu đối với trường cao đẳng thì thương hiệu nhà trường bao gồm 04 vấn đề liên quan: (1) sự uy tín và chất

lượng của nhà trường trong quá trình đào tạo, (2) chất lượng và danh tiếng của đội ngũ giảng viên, (3) năng lực của SV đã và đang theo học; (4) sự đánh giá của nhà tuyển dụng. Ramdhiani và Wahdiniwaty (2018), Sholihah & cs. (2020) đã cho thấy danh tiếng của trường học ảnh hưởng đến quyết định SV chọn một ngôi trường để học tập. Nghiên cứu của Trương Trí Thông & cs. (2019, 2022) cũng cho ra kết quả tương tự đối với SV chọn ngành học tại Trường CDKG. Từ đó giả thuyết H3 được phát biểu như sau: *H3: Danh tiếng nhà trường có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 3. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Danh tiếng nhà trường”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
DT1	Trường CDKG là một địa chỉ đào tạo uy tín và chất lượng	Le & cs. (2022)
DT2	Đội ngũ giảng viên có danh tiếng tốt	Trương & cs. (2022)
DT3	Nhà tuyển dụng đánh giá cao về bằng cấp của nhà trường	
DT4	Năng lực của SV đã và đang theo học chương trình đào tạo của nhà trường tốt	Phòng vấn chuyên gia

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

### 2.4. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo là một bộ khung tổng thể các mục tiêu, nội dung kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy mà giảng viên cần trang bị cho SV, có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của một cơ sở đào tạo (Dương & Trương, 2021). Bên cạnh đó, cơ sở giáo dục có chương trình đạo tạo đa dạng ngành nghề cũng rất

thu hút người học. Đặc biệt, đối với đặc điểm của trường đào tạo theo hệ nghề thì việc tập trung thực hành tay nghề, kỹ năng, liên kết thực hành và thực tập tại doanh nghiệp cũng như thời gian đào tạo ngắn cũng được SV ưu tiên lựa chọn. Một cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo chất lượng sẽ mang đến cho SV nền tảng kiến thức tốt, tính ứng dụng cao, hệ thống kỹ năng mềm thiết yếu và những trải nghiệm



giá trị sẽ ảnh hưởng đến quyết định của học sinh khi chọn trường để theo học (Nguyễn & Nguyễn, 2015). Nghiên cứu của Nguyễn & Nguyễn, (2019) cho thấy chương trình đào tạo có tác động tích cực đến quyết định của học sinh THPT. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của Sholihah & cs. (2020) cũng cho thấy chương trình đào tạo có mối tương quan thuận đối với quyết

định của SV khi chọn cơ sở đào tạo. Đặc biệt, nghiên cứu của nhóm tác giả Hà và Trần (2020) khi phân tích về ý định chọn trường hệ cao đẳng nghề thì chương trình có tác động tích cực và mạnh mẽ đối với hành vi lựa chọn của SV. Qua đó, giả thuyết H4 được phát biểu như sau: *H4: Chương trình đào tạo có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 4. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Chương trình đào tạo”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CTĐT1	Trường có ngành/nghề đào tạo đa dạng	Phòng vấn chuyên gia
CTĐT2	Thời gian học tập tại trường ngắn	
CTĐT3	Chương trình đào tạo mang tính thực hành cao	
CTĐT4	Chương trình đào tạo gắn với thực tế doanh nghiệp	
CTĐT5	Trường có mạng lưới kết nối rộng rãi với các tổ chức và doanh nghiệp địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực hành, thực tập	Le & cs. (2022)

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

### 2.5. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất là một bộ phận không thể thiếu của bất kỳ cơ sở đào tạo nào bởi chúng hỗ trợ cho các hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của SV (Nguyễn & cs., 2020). Cơ sở vật chất tại trường học bao gồm các trang thiết bị dạy học, khu vực giảng dạy, thư viện, căn tin, ký túc xá, bãi đậu xe, nhà vệ sinh, khuôn viên sân trường,... Vai trò quan trọng của cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập tại các trường cao đẳng, đại học đã được thảo luận trong nhiều nghiên cứu trước đây. Theo Price & cs. (2003),

cơ sở vật chất có chất lượng cao có thể được xem xét như là nhân tố liên quan đến quyết định lựa chọn trường học. Có thể thấy, cơ sở vật chất có sẵn và được trang bị tiện nghi, đầy đủ là một trong những nhân tố xem xét quan trọng trong việc chọn trường của SV. Theo các nghiên cứu trước đây, cơ sở vật chất có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường học của SV (Shammot, 2011; Le, 2020; Le & cs., 2022). Từ đó giả thuyết H5 được phát biểu như sau: *H5: Cơ sở vật chất có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 5. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Cơ sở vật chất”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CSVC1	Trang thiết bị dạy học của trường đủ và hiện đại	Le & cs. (2022)
CSVC2	Khu vực giảng dạy của trường rộng rãi	
CSVC3	Trường có đầy đủ cơ sở vật chất hỗ trợ như thư viện, nhà đa năng, căn tin, sân bóng đá,...	
CSVC4	Trường có ký túc xá sạch sẽ, hiện đại	
CSVC5	Bãi đậu xe của trường đáp ứng đủ chỗ cho SV	
CSVC6	Nhà vệ sinh được bố trí hợp lý, sạch sẽ	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

### 2.6. Môi trường học tập

Trên phương diện giáo dục, môi trường học tập có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với hoạt động dạy và học (Phạm, 2021). Anderson (1973) đưa ra những định nghĩa về môi trường học tập khi giải thích rằng môi trường học tập là các địa điểm, bối cảnh và nền văn hóa mà ở đó việc học diễn ra. Môi

trường học tập cũng bao hàm cả những giá trị cốt lõi của trường học hoặc lớp học - đó là những giá trị tinh thần, những tư tưởng chủ đạo về đạo đức thể hiện qua những triết lý về giáo dục, phương pháp giảng dạy, mối quan hệ và cách cư xử giữa những người học với nhau, giữa người dạy và người học,... (Phạm, 2021). Theo kết quả nghiên cứu của

**Bảng 6. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Môi trường học tập”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
MTHT1	Nhà trường có môi trường học tập thân thiện	Phòng vấn chuyên gia
MTHT2	Nhà trường có môi trường học tập năng động, tích cực	
MTHT3	Nhà trường có môi trường học tập an toàn	

Trương & cs. (2022) cho thấy môi trường học tập có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn của SV. Từ đó giả thuyết H6 được phát biểu như sau: *H6: Môi trường học tập có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**2.7. Các hoạt động ngoại khóa**

Theo Nguyễn & cs. (2018), hoạt động ngoại khóa là những hoạt động giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn học và là hoạt động tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp. Còn theo định nghĩa nghiên cứu này, hoạt động ngoại khóa là các hoạt động nằm ngoài chương trình học chính khóa và không thể

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*  
 thiếu trong quá trình giáo dục đào tạo nhằm thực hiện tốt mục tiêu chương trình học tập chính khóa. Hoạt động ngoại khóa có ý nghĩa hỗ trợ cho giáo dục chính khóa, góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách, bồi dưỡng năng khiếu, kỹ năng cho người học qua trải nghiệm các hoạt động (Nguyễn & cs., 2018). Theo kết quả nghiên cứu của Đỗ (2021) cho thấy các hoạt động của cơ sở giáo dục có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường học của học sinh, SV. Từ đó giả thuyết H7 được phát biểu như sau: *H7: Các hoạt động ngoại khóa có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 7. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Các hoạt động ngoại khóa”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
HĐNK1	Có các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên phong phú, đa dạng	Đỗ (2021)
HĐNK2	Có các hoạt động ngoại khóa phong phú (tham quan thực tế, thể thao, văn nghệ...)	
HĐNK3	Có các hoạt động bồi dưỡng các kỹ năng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm,...)	

**2.8. Chi phí**

Chi phí luôn là điều quan tâm của mỗi người, nhất là đối với người học. SV và gia đình luôn mong muốn lựa chọn ngành học, nhất là cơ sở đào tạo có mức học phí cũng như nơi có chi phí sinh hoạt cho SV trong suốt thời gian học một cách phù hợp, đảm bảo khả năng tài chính của gia đình (Trương & cs., 2022). Nhóm nhân tố chi phí ở đây sẽ bao gồm cả học phí và chi phí sinh hoạt trong quá trình học tập. Học phí ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của người học được tìm thấy trong hầu hết các nghiên cứu lý thuyết liên quan (Chapman, 1981; Perna, 2006). Nghiên cứu của Shammot (2011) cho thấy chi phí có tác động tích cực mạnh nhất đến sự

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*  
 lựa chọn trường học của SV. Kết quả của nghiên cứu Sholihah & cs. (2020) cũng cho thấy học phí thấp có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn trường của SV. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Le & cs. (2022) và Trương & cs. (2022) khi nghiên cứu SV ở Việt Nam cũng cho thấy học phí và chi phí liên quan đến học tập cũng ảnh hưởng tích cực đến quá trình ra quyết định của SV. Đặc biệt, nghiên cứu của nhóm tác giả Hà và Trần (2020) khi phân tích về ý định chọn trường hệ cao đẳng nghề thì chi phí có tác động tích cực và mạnh mẽ đối với hành vi của SV. Qua đó, giả thuyết H8 được phát biểu như sau: *H8: Chi phí có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CDKG của SV.*

**Bảng 8. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Chi phí”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CP1	Các chương trình đào tạo với mức học phí phù hợp	Phòng vấn chuyên gia
CP2	Chi phí sinh hoạt khi học tại trường phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình	
CP3	Ít chi phí phát sinh	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

**2.9. Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông**

Người học luôn muốn nhận được các chính sách hỗ trợ từ phía nhà trường, nhất là đối với người học có hoàn cảnh khó khăn, các dân tộc thiểu số hoặc thậm chí là những chính sách về khuyến khích học tập cho đối tượng có thành tích giỏi và xuất sắc,... (Trương & cs., 2022). Theo Nguyễn và Nguyễn (2019), chính sách hỗ trợ và học bổng của nhà trường càng tốt sẽ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường cao đẳng, đại học của SV. Bên cạnh đó, cơ hội liên thông hay cơ hội học tập cao hơn được hiểu là có thể tham gia được nhiều chương trình đào tạo khác nhau khi có bằng cử nhân tại trường quyết

định theo học, hoặc có thể tiếp tục học tiếp cấp bậc cao hơn như liên thông lên đại học, cao học trong tương lai. Đối với người học ở trình độ cao đẳng luôn muốn có được cơ hội liên thông lên đại học để đảm bảo công việc hoặc thăng cấp bậc, nâng lương,... (Trương & cs., 2022). Qua kết quả của hai nghiên cứu về quyết định của SV liên quan đến chọn ngành học tại Trường CĐKG, cho thấy chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông có ảnh hưởng tích cực đến quyết định của SV (Trương & cs., 2019, 2022). Qua đó, giả thuyết H9 được phát biểu như sau: *H9: Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV.*

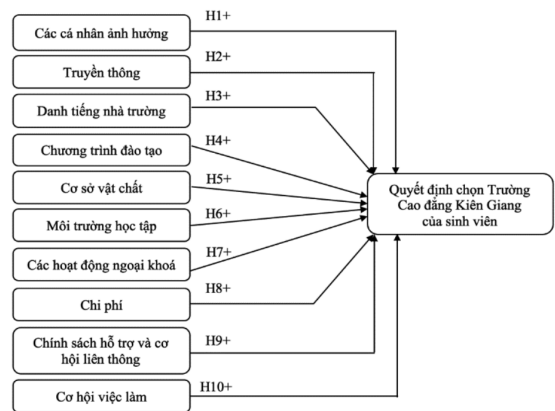
**Bảng 9. Tổng hợp biến quan sát nhân tố “Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CS1	Có chương trình hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập	(Trương & cs., 2019, 2022)
CS2	Có chính sách hỗ trợ tài chính	
CS3	Có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số	
CS4	Có cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

**2.10. Cơ hội việc làm**

Cơ hội việc làm là những cơ hội tồn tại trên con đường sự nghiệp và liên quan đến thị trường việc làm (Dalci & cs., 2013). Những cơ hội này có thể do bản thân tạo ra nhờ vào mối quan hệ của mình hoặc do thị trường lao động hay do ảnh hưởng của cơ sở đào tạo. Cơ hội nghề nghiệp trong tương lai là mong đợi của SV sau khi học xong chương trình đào tạo ở một cơ sở giáo dục Nguyễn và Nguyễn (2019). Theo Trần và Cao (2009) cho rằng SV sẽ chọn trường nơi SV tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm cao hoặc cơ hội có việc làm với thu nhập cao hơn các trường khác. Theo Cabrera và La Nasa (2000),



**Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất**

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu, năm 2023*

**Bảng 10. Tổng hợp biến quan sát của nhân tố “Cơ hội việc làm”**

Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn
CHVL1	Tỷ lệ SV của trường có việc làm sau khi tốt nghiệp cao	Đặng và Đinh (2019)
CHVL2	Nhà trường có tổ chức Ngày Hội tuyển dụng/ Hội chợ việc làm cho SV tốt nghiệp	
CHVL3	Những ngành nghề nhà trường đào tạo đều có khả năng xin việc dễ dàng trong tương lai	

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, năm 2023.*

ngoài mong đợi về học tập trong tương lai thì mong đợi về công việc trong tương lai cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành và chọn trường của học sinh. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, cơ hội việc làm có tác động tích cực đến quá trình đưa ra quyết định học tại trường

cao đẳng, đại học của học sinh, SV (Trần & Cao, 2019; Lưu & cs., 2017; Phan & Nguyễn, 2017; Đặng & Đinh, 2019; Trương & cs., 2022). Qua đó, giả thuyết H10 được phát biểu như sau: *H10: Cơ hội việc làm có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV.*

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp

Theo Hoàng và Chu (2008a) cho rằng, số biến quan sát ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến quan sát trong phân tích nhân tố thì số liệu mới có ý nghĩa. Tương tự, theo Nguyễn Đình Thọ (2011) số biến quan sát/tiêu chí đo lường tối thiểu là 1:5 và tốt nhất là 1:10; ngoài ra, theo Williams và cs. (2010) cho rằng khi phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính thì cỡ mẫu nên chọn từ 100 quan sát trở lên. Như vậy, nghiên cứu có 43 biến quan sát  $\times$  10 = 430 quan sát (tối thiểu). Để đảm bảo tính đại diện của mẫu, nhóm tác giả sẽ thực hiện khảo sát SV theo phân tầng SV từng khoa và khoá học. Bản câu hỏi được phát trực tiếp đến SV theo kiểu thuận tiện trong thời gian từ ngày 07/02 - 11/02/2023. Kết quả phát ra 550 bản, thu về được 526 bản trả lời, qua quá trình sàng lọc những phiếu không đạt yêu cầu còn lại 481 quan sát được sử dụng để phân tích dữ liệu. Dữ liệu sơ cấp được tiến hành phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0 với các phương pháp:

- *Phương pháp thống kê mô tả*: được sử dụng để đo lường, mô tả và trình bày số liệu về đặc điểm nhân khẩu học của SV như về giới tính, năm sinh, quê quán, khoa, khoá học dưới dạng tỷ lệ phần trăm.

- *Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo*: Phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu có phù hợp hay không trước khi đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Để tính Cronbach's Alpha cho một thang đo phải có tối thiểu là ba biến đo lường, hệ số Cronbach's Alpha có giá trị biến thiên trong khoảng [0,1] (Hoàng và Chu, 2008b). Nhiều nghiên cứu cũng đồng ý rằng khi Cronbach's Alpha từ 0,8 trở lên đến gần 1,0 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được (Hoàng & Chu, 2008b). Tuy nhiên, trong trường hợp nghiên cứu hoàn toàn mới hoặc mới trong bối cảnh nghiên cứu, hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 vẫn được chấp nhận (Nunnally & Burnstein, 1994). Ngoài ra, đối với biến đo lường đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số tương quan biến - tổng  $\geq 0,3$  (Nunnally & Bernstein, 1994).

- *Phương pháp phân tích nhân tố khám phá*: Phương pháp phân tích nhân tố khám phá được dùng để kiểm định giá trị thang đo, được thực hiện

sau khi đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và loại đi các biến không đảm bảo độ tin cậy. Để phân tích nhân tố khám phá, trước tiên cần phải đánh giá độ tin cậy của từng thang đo, xem thang đo nào tin cậy và loại những thang đo không tin cậy (hệ số tương quan biến - tổng  $\geq 0,3$ ). Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm định mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Theo Hoàng và Chu (2008b), nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig.  $> 0,05$  (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Ngoài ra, Kaiser (1974; trích bởi Nguyễn, 2011) cho rằng KMO  $\geq 0,9$ : rất tốt, KMO  $\geq 0,8$ : tốt, KMO  $\geq 0,7$ : được, KMO  $\geq 0,6$ : tạm được, KMO  $\geq 0,5$ : xấu; KMO  $< 0,5$ : không thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, tổng phương sai giải thích ở bảng Total Variance Explained  $> 50\%$  (Lê & Trương, 2012).

- *Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội*: Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội được dùng để xác định nhân tố nào tác động đến biến phụ thuộc và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Để mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa, chúng ta cần thỏa mãn các điều kiện:  $0 \leq$  hệ số  $R^2 \leq 1$  (Hoàng & Chu, 2008a); hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định t  $\leq 0,05$  và hệ số khuếch đại phương sai VIF  $< 10$  (Đình, 2012), mô hình hồi quy thích hợp.

#### 3.2. Phương pháp phỏng vấn chuyên gia

Bên cạnh tham khảo kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến quyết định chọn trường học của SV, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia. Sau khi xác định được các tiêu chí và biến quan sát, nhóm nghiên cứu đã lấy ý kiến 13 chuyên gia là các nhà nghiên cứu, lãnh đạo tại Trường CĐKG (Ban giám hiệu, các trưởng phòng, trưởng khoa chuyên môn) và một số chuyên gia ngoài trường (Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang, Trường Cao đẳng FPT Polytechnic, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) nhằm mục đích tham khảo ý kiến, đánh giá về mức độ phù hợp của các tiêu chí và biến quan sát mà nhóm tác giả đề xuất, liệu các tiêu chí và biến quan sát này có phù hợp về ngữ nghĩa, tường minh, phù hợp trong bối cảnh hiện nay hay không. Sau khi nhận phản hồi từ các chuyên gia, nhóm nghiên cứu đã điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến của chuyên gia.



#### 4. Kết quả và thảo luận

##### 4.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 481 SV, trong đó SV nam chiếm nhiều hơn SV nữ (lần lượt là 64,4% và 35,6%). Đa số SV sinh năm 2004 và sinh năm 2003, điều này phù hợp với đối tượng khảo sát là SV khóa 15 và 16 của trường, bên cạnh đó, một số ít SV cũng có năm sinh từ 1992 đến năm 2002. Trường

CĐKG nằm ở vị trí thuận lợi ở thành phố Rạch Giá, nên đa số SV theo học tại trường là SV đến từ Rạch Giá (25,4%) và các huyện lân cận như Hòn Đất (16,8%), Châu Thành (7,9%), Giồng Riềng (7,5%) và An Biên (7,3%), các huyện và thành phố khác cũng có nhưng chiếm không đáng kể. Ngoài ra, trường cũng thu hút một số SV ở tỉnh, thành phố lân cận như An Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Đồng Tháp (Bảng 11 và Bảng 12).

**Bảng 11. Đặc điểm khoa và khoá học của sinh viên được khảo sát**

Khoa	Khoá học	Khoá 15		Khoá 16		Tổng	
		Tần suất	%	Tần suất	%	Tần suất	%
Du lịch - Ngoại ngữ		43	8,9	71	14,8	114	23,7
Điện - Điện tử		29	6,0	37	7,7	66	13,7
Kinh tế - Luật		21	4,4	37	7,7	58	12,1
Cơ khí		61	12,7	65	13,5	126	26,2
Xây dựng - Giao thông		08	1,7	07	1,4	15	3,1
Nông nghiệp - Công nghệ thực phẩm		21	4,4	28	5,8	49	10,2
Công nghệ thông tin		20	4,1	33	6,9	53	11,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>203</b>	<b>42,2</b>	<b>278</b>	<b>57,8</b>	<b>481</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả phân tích năm 2023.*

**Bảng 12. Đặc điểm mẫu nghiên cứu**

Đặc điểm nhân khẩu học		Mô tả	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam		310	64,4
	Nữ		171	35,6
Năm sinh	1992		01	0,2
	1994		01	0,2
	1997		03	0,6
	1998		03	0,6
	1999		07	1,5
	2000		17	3,5
	2001		16	3,3
	2001		40	8,3
	2003		178	37,0
	2004		215	44,7
Quê quán	Thành phố Rạch Giá		122	25,4
	Thành phố Phú Quốc		20	4,2
	Thành phố Hà Tiên		09	1,9
	Huyện Châu Thành		38	7,9
	Huyện Giồng Riềng		36	7,5
	Huyện Gò Quao		24	5,0
	Huyện Tân Hiệp		31	6,4
	Huyện An Biên		35	7,3
	Huyện An Minh		18	3,7
	Huyện Kiên Hải		06	1,2
	Huyện Kiên Lương		20	4,2
	Huyện Hòn Đất		81	16,8
	Huyện Vĩnh Thuận		19	4,0
	Huyện Giang Thành		01	0,2
	Huyện U Minh Thượng		16	3,3
Địa phương khác		05	1,0	

*Nguồn: Kết quả phân tích năm 2023.*

**4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Cao đẳng Kiên Giang của sinh viên**

Sau khi đánh giá 10 tiêu chí với 43 biến quan sát, tất cả 10 tiêu chí đều có hệ số Cronbach's Alpha trên 0,7 (chấp nhận được và tốt), 42 biến quan sát có

hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh > 0,3 (biến DT1 bị loại do có hệ số < 0,3). Kết quả chỉ ra rằng các biến là đáng tin cậy và đủ điều kiện để phân tích các bước tiếp theo trong nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội.

**Bảng 13. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo**

Nhân tố/Tiêu chí	Biến quan sát bị loại	Cronbach' $\alpha$	Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh
Các cá nhân ảnh hưởng	DT1	0,907	0,681 → 0,802
Truyền thông		0,933	0,499 → 0,956
Danh tiếng nhà trường		0,885	0,651 → 0,879
Chương trình đào tạo		0,867	0,493 → 0,873
Cơ sở vật chất		0,951	0,718 → 0,944
Môi trường học tập		0,961	0,909 → 0,919
Các hoạt động ngoại khoá		0,929	0,823 → 0,902
Chi phí		0,900	0,709 → 0,891
Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông		0,899	0,863 → 0,882
Cơ hội việc làm		0,929	0,829 → 0,883

*Nguồn: Kết quả phân tích năm 2023.*

Qua kết quả phân tích cho thấy, độ tin cậy của hệ số tải nhân tố > 0,5; chỉ số KMO = 0,805 (chỉ số KMO tốt) và giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05). Với phương pháp trích nhân tố, phương pháp xoay nhân tố cho phép trích được 10 nhân tố từ 42 biến quan sát và phương

sai tích lũy được 80,109% (>50%, đạt yêu cầu), tức 10 nhân tố này giải thích được 80,109% biến thiên của dữ liệu. Các biến trong nhân tố không có biến nào bị loại bỏ và các biến trong nhân tố không có sự xáo trộn, vẫn giữ 10 nhân tố ban đầu.

**Bảng 14. Ma trận điểm số nhân tố**

Biến quan sát	Nhân tố									
	CSVC	TT	CNAH	CTĐT	CS	MTHT	CHVL	CP	DT	HĐNK
CSVC5	0,936									
CSVC2	0,908									
CSVC1	0,903									
CSVC3	0,871									
CSVC6	0,828									
CSVC4	0,781									
TT3		0,984								
TT4		0,982								
TT1		0,981								
TT5		0,976								
TT2		0,592								
TT6		0,583								
CNAH4			0,871							
CNAH5			0,848							
CNAH3			0,838							
CNAH6			0,814							
CNAH2			0,813							
CNAH1			0,773							
CTĐT4				0,918						
CTĐT5				0,834						
CTĐT3				0,796						
CTĐT2				0,749						
CTĐT1				0,524						

Biến quan sát	Nhân tố									
	CSVC	TT	CNAH	CTĐT	CS	MTHT	CHVL	CP	DT	HĐNK
CS4					0,860					
CS3					0,847					
CS1					0,808					
CS2					0,804					
MTHT3						0,961				
MTHT2						0,957				
MTHT1						0,956				
CHVL1							0,909			
CHVL3							0,908			
CHVL2							0,848			
CP2								0,950		
CP1								0,908		
CP3								0,848		
DT3									0,885	
DT2									0,843	
DT4									0,791	
HĐNK2										0,860
HĐNK3										0,847
HĐNK1										0,820

Nguồn: Kết quả phân tích năm 2023.

Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV, phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng. Kết quả kiểm tra dữ liệu cho thấy  $R^2 = 0,625$ ; Sig.= 0,000; VIF = 1,00, như vậy dữ liệu thích hợp cho phân tích hồi quy tuyến tính bội. Kết quả phân tích  $R^2 = 0,625$ , có nghĩa mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập

đến biến phụ thuộc chiếm 62,5% trong mô hình, còn lại 37,5% là các biến khác ngoài mô hình và sai số. Tám nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV theo thứ tự giảm dần bao gồm: Danh tiếng nhà trường, chương trình đào tạo, chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông, cơ hội việc làm, cơ sở vật chất, truyền thông, các hoạt động ngoại khoá và chi phí (Bảng 15).

**Bảng 15. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội**

Mô hình	Hệ số Beta chuẩn hóa	Sig.	VIF	Kết luận giả thuyết
Cơ sở vật chất	0,187	0,000***	1,000	H5: Chấp nhận
Truyền thông	0,117	0,000***	1,000	H2: Chấp nhận
Các cá nhân ảnh hưởng	0,024	0,398	1,000	H1: Loại
Chương trình đào tạo	0,451	0,000***	1,000	H4: Chấp nhận
Chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông	0,229	0,000***	1,000	H9: Chấp nhận
Môi trường học tập	- 0,007	0,812	1,000	H6: Loại
Cơ hội việc làm	0,201	0,000***	1,000	H10: Chấp nhận
Chi phí	0,062	0,027*	1,000	H8: Chấp nhận
Danh tiếng nhà trường	0,528	0,000***	1,000	H3: Chấp nhận
Hoạt động ngoại khoá	0,114	0,000***	1,000	H7: Chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích năm 2023.

Nhân tố cơ sở vật chất có tác động tích cực đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Cơ sở vật chất là mặt thể hiện hữu hình mà SV có thể quan sát được và thu hút SV khi xem trên internet, tham quan tại trường, góp phần làm nhân tố kéo học sinh quyết định lựa chọn nhà trường để theo học tập, các cơ sở

vật chất bao gồm cả phòng học, sân trường, cây xanh, trang thiết bị dạy học, vật dụng thực hành, các hạng mục hỗ trợ khác (thư viện, căn tin, nhà đa năng, sân bóng đá, ký túc xá,...). Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Shammot (2011), Le (2020), Le & cs. (2022).

Nhân tố truyền thông có ảnh hưởng tích cực đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Truyền thông luôn là vấn đề có sức ảnh hưởng đến hành vi nói chung của con người và quyết định lựa chọn cơ sở đào tạo của học sinh, SV nói riêng thông qua đọc, nghe, quan sát các thông tin, hình ảnh,... trên các tài liệu tuyển sinh, phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội,... Kết quả nghiên cứu này giống với kết quả nghiên cứu của Chapman (1981), Burns (2000), Nguyễn & cs. (2020), Vũ & cs. (2021), Le (2020), Sholihah & cs. (2020), Nuseir và El Refae (2021), Kango & cs. (2021, Trương & cs. (2022), Le & cs. (2022). Do đó, cần có những định hướng và giải pháp truyền thông hiệu quả để thu hút SV trong thời gian tới.

Nhân tố chương trình đào tạo có tác động tích cực với quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Chương trình đào tạo là bộ khung thể hiện những gì người học sẽ nhận được về kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình sử dụng dịch vụ đào tạo tại trường. Người học cần chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu cá nhân đáp ứng thị trường lao động và nhu cầu xã hội. Kết quả này ủng hộ kết quả nghiên cứu của Nguyễn và Nguyễn (2019), Sholihah & cs. (2020), Hà và Trần (2020).

Nhân tố chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông có mối quan hệ cùng chiều với quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Người học hiện nay quan tâm đến những chính sách hỗ trợ từ cơ sở đào tạo, nhất là về vấn đề tài chính cũng như những chương trình liên thông vì đây là một trong những nhu cầu hiển nhiên đối với người học ở trình độ cao đẳng. Kết quả này giống với kết quả của Trương & cs. (2019, 2022) khi nghiên cứu cùng bối cảnh về cơ sở đào tạo thuộc hệ nghề, do đó cần quan tâm đến nhân tố này khi tham gia vào quá trình tuyển sinh.

Nhân tố hoạt động ngoại khoá có tác động tích cực quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Ngoài việc học tập các kiến thức, kỹ năng và rèn luyện thái độ tại trường, người học còn mong muốn lựa chọn cơ sở đào tạo có những hoạt động ngoại khoá phong phú, đa dạng như các phong trào văn nghệ, thể thao, các buổi tham quan thực tế trong môn học, các buổi huấn luyện kỹ năng mềm,... Phát hiện này ủng hộ kết quả nghiên cứu của Đỗ (2021).

Nhân tố danh tiếng nhà trường có tác động tích cực và mạnh nhất đối với quyết định chọn Trường

CĐKG của SV. Danh tiếng nhà trường luôn là mối quan tâm của cả phụ huynh và học sinh lựa chọn trường học. Một cơ sở đào tạo có danh tiếng tốt sẽ càng thu hút người học nhiều hơn. Kết quả này giống với kết quả của Ming (2010), Ramdhiani và Wahdiniwaty (2018), Sholihah & cs. (2020), Trương & cs. (2019, 2022).

Nhân tố chi phí có tác động tích cực và yếu nhất đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV trong tám nhân tố vừa khám phá. Chi phí chi trả cho quá trình đào tạo bao gồm chi phí sinh hoạt, học phí và chi phí phát sinh trong quá trình học tập luôn là vấn đề được cả phụ huynh và học sinh đặt lên bàn cân khi lựa chọn cơ sở đào tạo để theo học tập, bởi vì chi phí phụ thuộc nhiều vào khả năng tài chính và điều kiện của gia đình. Phát hiện này ủng hộ kết quả của Shammot (2011), Sholihah & cs. (2020), Le & cs. (2022) và Trương & cs. (2022).

Nhân tố cơ hội việc làm có mối quan hệ cùng chiều với quyết định chọn Trường CĐKG của SV. Cơ hội việc làm là vấn đề luôn được xã hội, gia đình và học sinh quan tâm rất nhiều vì người học phải mất thời gian dài để học tập với mong muốn ra trường có cơ hội việc làm cao, họ không muốn phải vừa mất thời gian, chi phí trong quá trình học tập mà ra trường lại không có cơ hội việc làm; chính vì vậy, trong tương lai cần chú ý đến vấn đề này. Kết quả này cũng có thêm kết quả các nghiên cứu trước đây của Trần và Cao (2009), Lưu & cs. (2017), Phan và Nguyễn (2017), Đặng và Đình (2019), Trương & cs. (2022).

## 5. Kết luận

Nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường CĐKG để học tập có ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn đối với nhà trường hiện nay. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, có 08 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường CĐKG của SV theo tầm quan trọng giảm dần là danh tiếng nhà trường, chương trình đào tạo, chính sách hỗ trợ và cơ hội liên thông, cơ hội việc làm, cơ sở vật chất, truyền thông, các hoạt động ngoại khoá và chi phí. Kết quả của nghiên cứu là cơ sở để đưa ra các phương án và chiến lược trong công tác hướng nghiệp, tuyển sinh đạt hiệu quả, góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường, tăng sức cạnh tranh và khẳng định vị thế đối với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn tỉnh. Ngoài những đóng góp quan trọng trên, nghiên cứu này cũng có những hạn chế như (1) nghiên cứu



chỉ khám phá được 62,5% các nhân tố ảnh hưởng, còn 37,5% nhân tố ngoài mô hình, do đó các nghiên cứu trong tương lai cần phải nghiên cứu thêm các nhân tố khác; (2) nghiên cứu tiếp theo cần phải bổ sung thêm các biến trung gian để kiểm định thêm về sự ảnh hưởng của các nhân tố.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở của Trường Cao đẳng Kiên Giang theo Quyết định số 192/QĐ-CĐKG ngày 19/12/2022.

### Tài liệu tham khảo

- Anderson, G. J. (1973). *The Assessment of Learning Environments: A Manual for the Learning Environment in Inventory & the My Class Inventory*. Atlantic Institute of Education.
- Burns, J. M., (2006). *Factors Influencing the College Choice of African- American Students Admitted to the College of Agriculture, Food and Natural Resources*. Master Thesis, Missouri University, Columbia.
- Cabrera, A. F., & La Nasa, S. M. (2000). Understanding the college-choice process. *New directions for institutional research*, 2000(107), 5-22.
- Chapman, D. W. (1981). A Model of Student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505.
- Corley, S. J. (1991). *An analysis of factors which influence choice of an academic program and sources of information used: Implications for recruitment strategies*. University of the Pacific.
- Dalci, I., Arasli, H., Tümer, M., & Baradarani, S. (2013). Factors that influence Iranian students' decision to choose accounting major. *Journal of Accounting in Emerging Economies*, 3(2), 145-163.
- Dương, T. Q. & Trương, T. T. (2021). Nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Quản trị Khách sạn qua sự hài lòng của sinh viên: Trường hợp Trường Cao đẳng Kiên Giang. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Văn hoá, Giáo dục và Du lịch với phát triển Kinh tế tại Đà Lạt, 370-378.
- Đặng, T. T. H. & Đinh, T. T. H. (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của tân sinh viên Kế toán - Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia *Nghiên cứu và đào tạo Kế toán, Kiểm toán - Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư: Những vấn đề đặt ra với nội dung và chương trình đào tạo ngành Kế toán, Kiểm toán*, 98-108.
- Đinh, P. H. (2012). *Phương pháp nghiên cứu định lượng: những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp*. NXB Phương Đông.
- Đỗ, T. T. T. (2021). Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 234, 58-69.
- Hà, N. K. G. & Trần, T. N. L.. Về ý định chọn học Trường Cao đẳng Nghề Hòa Bình Xuân Lộc. *Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật*, 3, 1-11.
- Hoàng, T. & Chu, N. M. N. (2008a). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 1)*. NXB Hồng Đức.
- Hoàng, T. & Chu, N. M. N. (2008b). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. NXB Hồng Đức.
- Holland, J. L. (1959). Determinants of college choice. *College and University*, 35(1), 11-28.
- Ilina, T.A. (1978-1979). *Giáo dục học tập 2, 3*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Kango, U., Kartiko, A., & Maarif, M. A. (2021). The Effect of Promotion on the Decision to Choose a Higher Education through the Brand Image of Education. *Al-Ishlah: Jurnal Pendidikan*, 13(3), 1611-1621.
- Lê, V. H. & Trương, T. T. A. (2012). *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*. NXB Tài chính.
- Le, H. Q. (2020). Factors affecting students' decision to select private universities in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(4), 235-245.
- Le, T. T. T., Tran, M. T., & Le, H. B. H. (2022). Factors Affecting Students' Decision to Choose Regional Public Universities: An Empirical Study from Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 9(4), 143-152.
- Lewis, G. H., & Morrison, S. (1975). A longitudinal study of college selection. Pittsburgh, PA: *School of Urban and Public Affairs, Carnegie-Mellon University*.
- Luu, T. T. T., Châu S. & Chau K. (2017). Các yếu tố tác động đến quyết định chọn trường đại học

- của học sinh lớp 12 tại thành phố Long Xuyên, An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 13(1), 88-100.
- Maguire, J., & Lay, R. (1981). Modeling the college choice process: Image and decision. *College and University*, 56(2), 123-39.
- Ming, J. S. K. (2010). Institutional factors influencing students' college choice decision in Malaysia: A conceptual framework. *International Journal of Business and Social Science*, 1(3), 53-56.
- Nguyễn, Đ. T. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. NXB Lao động - Xã hội.
- Nguyễn, M. H., Huỳnh, G. X., & Huỳnh, T. K. T. (2011). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 5(23), 97-107.
- Nguyễn, P. Q. Q., Phòng, T. H. M., Thái, N. V., & Luong, L. N. (2020). Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học trên địa bàn thành phố Cần Thơ của sinh viên. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, 09, 1-17.
- Nguyễn, T. L. H. (2017). *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định chọn trường địa học, cao đẳng của học sinh lớp 12 trên địa bàn huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên*. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Nha Trang.
- Nguyễn, T. A. H., & Nguyễn, T. H. H. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của học sinh trung học phổ thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học Yersin*, 6, 67-76.
- Nguyễn, T. K. C. (2017). *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định chọn Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh của học sinh trung học phổ thông*. Luận văn Thạc Sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, T. H., Nguyễn, T. M., & Nguyễn, A. T. (2018). Nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động ngoại khoá trong dạy học môn Giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên hiện nay. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên (Chuyên san Khoa học Xã hội - Nhân văn - Kinh tế)*, 183(7), 79-84.
- Nguyễn, T. N., Lê, T. C. D., & Trịnh, C. T. (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch): Nghiên cứu từ Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cửu Long*, 14, 3-13.
- Nunnally, J., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*, 3<sup>rd</sup> ed. McGraw-Hill.
- Nuseir, M. T., & El Refae, G. A. (2021). Factors influencing the choice of studying at UAE universities: an empirical research on the adoption of educational marketing strategies. *Journal of Marketing for Higher Education*, 1-23.
- Phạm, T. B. N. (2021). Xây dựng môi trường học tập chủ động cho sinh viên đại học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 17(1), 121-135.
- Perna, L. W. (2006). Studying college access and choice: A proposed conceptual model. *Higher education: Handbook of theory and research*, 99-157.
- Phan, T. T. T., & Nguyễn, T. M. H. (2017). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học-Đại học Huế*. 126(5A), 29-42.
- Price, I. F., Matzdorf, F., Smith, L., & Agahi, H. (2003). The impact of facilities on student choice of university. *Facilities*, 21(10), 212-222.
- Ramdhiani, N. V., & Wahdiniwaty, R. (2018). The Effect of The College Reputation on Student's Decision Making to Choose It. *In International Conference on Business, Economic, Social Science and Humanities*. Atlantis Press, 471-473.
- Sevier, R. A. (1986). *Freshmen at competitive liberal arts colleges: A survey of factors influencing institutional choice (marketing, private, elite)*. The Ohio State University.
- Sirakaya-Turk, E., Uysal, M., Hammitt, W., & Vaske, J. J. (2011). *Research Methods for Leisure, Recreation and Tourism*. Cambridge University Press.
- Shammot, M. M. (2011). Factors affecting the

- Jordanian students' selection decision among private universities. *Journal of Business Studies Quarterly*, 2(3), 57-63.
- Sholihah, I. A., Prasetya, H., & Widyaningsih, V. (2020). Path Analysis on Factors Affecting the Decision to Choose School of Acupuncture. *Journal of Health Policy and Management*, 5(2), 127-138.
- Trần, N. M., Nguyễn, T. T. H., & Đỗ, T. L. (2018). Các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn chương trình cử nhân Học viện Ngân hàng của người học. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 193(6), 65-75.
- Trần, V. Q., & Cao, H. T. (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 12(15), 87-102.
- Trương, T. T., Nguyễn, V. T. V., & Nguyễn, T. T. V. (2019). Đánh giá của sinh viên về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành Quản trị Khách sạn. *Tạp chí Khoa học Đại học Trà Vinh*, 34, 1-11.
- Trương, T. T., Nguyễn, V. T. V., & Nguyễn, T. T. V. (2022). Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai*, 22, 27-40.
- Vũ, T. B. H., Nguyễn, T. B. N., & Nguyễn, T. G. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của sinh viên trong việc chọn Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2020. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 4(3), 95-106.
- Williams, B., Onsmann, A., & Brown, T. (2010). Exploratory factor analysis: A five-step guide for novices. *Australasian journal of paramedicine*, 8(3). DOI: <https://ajp.paramedics.org/index.php/ajp/article/view/93>.